

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2011/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 12 năm 2011

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường  
đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI  
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Pháp lệnh về Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 39/2008/TT-BTC ngày 19/5/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 174/2007/NĐ-CP ngày 29/11/2007 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3398/TTr-UBND ngày 25/11/2011 của UBND tỉnh về việc đề nghị thông qua mức thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

1. Đối tượng chịu phí: là chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác (trừ chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình), trong đó:

a) Chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn có tên trong Danh mục các chất thải rắn nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011;

b) Chất thải rắn không có tên trong Danh mục các chất thải rắn nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 là chất thải rắn thông thường.

2. Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn là các tổ chức, cá nhân có thải chất thải rắn thuộc đối tượng chịu phí tại khoản 1 Điều này.

3. Đối tượng không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn bao gồm:

a) Cá nhân, hộ gia đình thải chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;

b) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí quy định tại khoản 2 Điều này nhưng tự xử lý hoặc ký hợp đồng dịch vụ xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

4. Đơn vị thu phí: Các đơn vị sự nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

5. Mức thu phí:

a) Đối với chất thải rắn thông thường:

- Trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi: 40.000 đồng/tấn;
- Các huyện đồng bằng: mức thu bằng 80% mức thu tại thành phố Quảng Ngãi;
- Các huyện miền núi, hải đảo: mức thu bằng 60% mức thu tại thành phố Quảng Ngãi.

b) Đối với chất thải rắn nguy hại (không phân biệt vùng, miền)

- Chất thải rắn có ngưỡng nguy hại \*\*: 6.000.000 đồng/tấn;
- Chất thải rắn có ngưỡng nguy hại \*: 3.000.000 đồng/tấn.

Chất thải rắn có ngưỡng nguy hại \*\* là chất thải luôn luôn nguy hại trong mọi trường hợp. Chất thải rắn có ngưỡng nguy hại \* là chất thải có khả năng là chất thải nguy hại. Chi tiết ngưỡng chất thải nguy hại được quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn là khoản thu thuộc ngân sách cấp tỉnh được quản lý và sử dụng như sau:

a) Để lại cho các đơn vị thu phí 25% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các công việc có liên quan đến thu phí. Đối với các đơn vị sự nghiệp nhà

nước số tiền phí được để lại trong năm, sau khi quyết toán đúng chế độ, nếu không sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

b) Phần còn lại 75% các đơn vị thu phí nộp vào ngân sách cấp tỉnh để chi cho các nội dung được quy định tại điểm b khoản 4 Mục II của Thông tư số 39/2008/TT-BTC ngày 19/5/2008 của Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XI thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2011, tại kỳ họp thứ 4./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Toán**